

Số: **4693**
/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp, thương mại biển Việt Nam
đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp, thương mại biển Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Quan điểm phát triển

a) Phát triển công nghiệp, thương mại biển trên cơ sở khai thác lợi thế, tiềm năng của khu vực ven biển, gắn sản xuất với tiêu dùng, đảm bảo tính năng động, hiệu quả và phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế biển.

b) Tăng cường liên kết các địa phương khu vực ven biển trong phát triển công nghiệp và thương mại, thu hút đầu tư có chọn lọc, có trọng tâm, không thu hút những dự án công nghệ lạc hậu, giá trị gia tăng thấp và nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

c) Phát triển công nghiệp, thương mại gắn với với bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc, phát triển du lịch, bảo vệ môi trường và đảm bảo quốc phòng, an ninh.

2. Mục tiêu phát triển

2.1 Mục tiêu tổng quát

Phân đầu đến năm 2025 công nghiệp, thương mại luôn là ngành kinh tế quan trọng, có tốc độ tăng trưởng cao, ổn định, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của khu vực ven biển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và thương mại dịch vụ có trình độ, chất lượng cao.

2.2 Mục tiêu cụ thể

a) Tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực ven biển giai đoạn 2016 - 2020 đạt khoảng 9,0 - 9,5%/năm; giai đoạn 2021-2025 đạt khoảng 10,5 - 11,0%/năm.

b) Tăng trưởng bình quân tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ giai đoạn 2016-2020 khoảng 16,5 - 17,0%/năm và giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 17,5% - 18,0%/năm

c) Tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2016 -2020 đạt khoảng 13,5% - 14,0%/năm và giai đoạn 2021-2025 đạt khoảng 13,0%-13,5%/năm.

3. Định hướng phát triển

3.1. Ngành công nghiệp

a) Phát triển các ngành có tiềm năng và lợi thế: khai thác và chế biến than, dầu khí, hóa chất, sản xuất điện (nhiệt điện và năng lượng tái tạo), cơ khí, luyện kim, điện tử, chế biến thủy, hải sản.

b) Ưu tiên phát triển các lĩnh vực tạo ra các sản phẩm có khả năng cạnh tranh; các sản phẩm trong chuỗi sản xuất toàn cầu thuộc các ngành cơ khí, điện, hoá chất và các sản phẩm linh kiện, phụ tùng.

3.2. Ngành thương mại

a) Tăng cường hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa từ các chương trình hợp tác kinh tế quốc tế, kết hợp phát triển nhanh các hình thức thương mại hiện đại để từng bước mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả hoạt động xuất - nhập khẩu và thương mại trong nước.

b) Phát triển hệ thống logistics, hệ thống chợ đầu mối thủy sản, nông sản tổng hợp, các trung tâm trung chuyển và kho vận đảm bảo đáp ứng cho hoạt động lưu thông hàng hóa nội địa và quốc tế.

4. Quy hoạch phát triển

4.1. Ngành công nghiệp cơ khí, luyện kim

a) Đến năm 2025

- Phát triển các ngành công nghiệp đóng tàu, sản xuất thép, kết cấu thép, cơ khí nặng, thiết bị siêu trường, siêu trọng, phương tiện vận tải, thiết bị hạ thủy, máy móc sản xuất nông - lâm nghiệp, thiết bị, máy móc chế biến thủy hải sản, thực phẩm và các công trình phục vụ trên biển như giàn khoan, giàn khai thác.

Đồng thời phát triển dịch vụ thiết kế và công nghiệp hỗ trợ cho ngành cơ khí, chế tạo.

b) Tầm nhìn đến năm 2035

Tiếp tục thu hút đầu tư vào các lĩnh vực có lợi thế và ưu tiên phát triển các chuyên ngành cơ khí công nghệ cao, đặc biệt là đầu tư phát triển các sản phẩm cơ điện tử, công nghiệp hỗ trợ, các dịch vụ thiết kế, chế tạo khuôn mẫu, chế tạo các linh kiện phức tạp, có độ chính xác cao..., kết hợp với đầu tư chiều sâu nâng cao năng lực và chủ động liên doanh, liên kết với các tập đoàn đa quốc gia, hướng tới trở thành nhà cung cấp và tham gia chuỗi cung ứng.

4.2. Ngành công nghiệp hoá chất

a) Giai đoạn đến năm 2025

Thu hút đầu tư một số dự án sản xuất hóa chất vô cơ phục vụ cho nhu cầu phát triển của các ngành công nghiệp và các dự án sản xuất sản phẩm hóa chất hữu cơ gắn liền với các dự án lọc dầu tận dụng nguồn nguyên liệu từ lọc, hóa dầu và nguồn nguyên liệu khí thiên nhiên. Đầu tư một số dự án sản xuất sản phẩm từ cao su, nhựa và các loại chi tiết nhựa phục vụ lắp ráp sản phẩm cuối cùng của ngành cơ khí chế tạo và điện tử.

b) Tầm nhìn đến năm 2035

Đầu tư sản xuất các sản phẩm hóa dầu và chất xúc tác cho nhà máy lọc dầu. Đồng thời thu hút các dự án sản xuất hóa dược, hóa mỹ phẩm cao cấp, bao bì sinh học, nhựa công nghiệp và các sản phẩm phụ trợ cho ngành cơ khí và điện tử.

4.3. Ngành công nghiệp chế biến thủy, hải sản, thực phẩm

a) Giai đoạn đến năm 2025

Tập trung thu hút đầu tư vào chế biến thủy, hải sản xuất khẩu theo hướng áp dụng công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn vệ sinh, an toàn thực phẩm, kết hợp với triển khai các dự án có lợi thế về nguồn nguyên liệu của khu vực như chế biến thịt, sản xuất bánh, kẹo và thức ăn chăn nuôi đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước đồng thời tăng nhanh sản lượng xuất khẩu.

b) Tầm nhìn đến năm 2035

Ưu tiên đầu tư mới các dự án chế biến hải sản, thực phẩm ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện của các địa phương trong khu vực biển và tiếp tục đổi mới công nghệ nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh của sản phẩm.

4.4. Ngành năng lượng

a) Giai đoạn đến năm 2025

- Hoàn thành việc thăm dò, thử nghiệm than nâu bể than đồng bằng sông Hồng và tiếp tục triển khai các dự án tổ hợp lọc hóa dầu và các dự án điện.

b) Tầm nhìn đến năm 2035

Tiếp tục triển khai và hoàn thành các dự án lọc dầu, sản xuất điện và chú trọng đầu tư một số dự án điện gió và điện mặt trời, kết hợp với tăng cường sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

4.5. Hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại

4.5.1. Hệ thống trung tâm phân phối hàng hóa và kho vận

a) Giai đoạn đến năm 2025

Xây dựng các trung tâm phân phối hàng công nghiệp tiêu dùng tại các khu vực Duyên hải Bắc Bộ, Duyên hải miền Trung, khu vực Đà Nẵng, khu vực thành phố Hồ Chí Minh và duyên hải phía đông Đồng bằng sông Cửu Long và kết hợp xây dựng các kho hàng hóa, kho lạnh thương mại và kho lạnh thủy sản một số khu vực thuận tiện cho tập kết và lưu thông hàng hóa ở các địa phương.

b) Tầm nhìn đến năm 2035

Tiếp tục xây mới hệ thống trung tâm phân phối hàng hóa và kho bãi kết hợp với nâng cao chất lượng dịch vụ và tính chuyên nghiệp theo hướng hiện đại của các trung tâm bán buôn và hệ thống kho vận đáp ứng nhu cầu tập kết, lưu thông hàng hoá trong khu vực và xuất khẩu.

4.5.2. Hệ thống logistics

a) Giai đoạn đến năm 2025

Đầu tư phát triển trung tâm logistics hạng I tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và một số trung tâm hạng II tại các khu vực ven biển Đông nam Bắc bộ, Đông bắc Bắc bộ, duyên hải Bắc trung bộ, Duyên hải Nam Trung bộ, khu vực Đông Nam bộ và khu vực duyên hải đồng bằng sông Cửu Long.

b) Tầm nhìn đến năm 2035

Đầu tư mới một số trung tâm logistics hạng II và xem xét nâng cấp một số trung tâm lên hạng I, đồng thời đặc biệt quan tâm đến triển khai các hoạt động logistics trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin và các công nghệ mới trong logistics từng bước phát triển các dịch vụ logistics theo hướng hiện đại mang tính chuyên môn hóa cao.

5. Một số giải pháp chủ yếu

5.1. Giải pháp ngắn hạn

a) Phát triển nhanh các công trình hạ tầng có ảnh hưởng trên phạm vi rộng, có tính liên vùng như hệ thống đường quốc lộ ven biển, hệ thống hạ tầng khu kinh tế ven biển, hệ thống chợ đầu mối, trung tâm logistics, trung tâm phân phối hàng hóa và kho vận nhằm đáp ứng yêu cầu của phát triển ngành.

b) Phối hợp giữa các địa phương trong khu vực xây dựng chương trình tổng thể về xúc tiến đầu tư nhằm thu hút các dự án quy mô lớn làm động lực phát triển kinh tế cho khu vực và thúc đẩy phát triển cụm liên kết ngành để tăng năng lực cạnh tranh của sản phẩm cũng như tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

c) Tập trung phát triển mạnh các ngành dịch vụ, tổ chức phân phối hàng hóa một cách hợp lý và ban hành cơ chế chính sách ưu đãi phù hợp tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào các ngành dịch vụ vận tải, kho bãi, nhằm đáp ứng nhu cầu của lưu thông hàng hóa của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong khu vực.

5.2. Giải pháp dài hạn

a) Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, đổi mới công tác xúc tiến đầu tư theo hướng thông thoáng, bình đẳng nhằm thu hút nguồn vốn từ các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển công nghiệp và thương mại.

b) Rà soát sửa đổi, xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, thương mại trong từng giai đoạn phù hợp với điều kiện phát triển trong từng thời kỳ, từng lĩnh vực.

c) Phát triển hệ thống doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm duy trì lực lượng cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất và hàng hóa tiêu dùng trong khu vực.

d) Nâng cao năng lực tiếp cận và mở rộng thị trường bao gồm cả thị trường đầu vào và thị trường đầu ra kết hợp với xây dựng, sửa đổi cơ chế phù hợp hỗ trợ doanh nghiệp trong xúc tiến thương mại.

đ) Phát triển hạ tầng hệ thống cảng, dịch vụ hàng hải, vận tải biển và nâng cao năng lực thông luồng, chất lượng dịch vụ cảng biển, hiện đại hóa phương tiện xếp dỡ hàng hoá kết hợp với phát triển nhanh các dịch vụ liên quan trực tiếp đến luồng, cầu cảng.

e) Phát triển công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt là công nghiệp hỗ trợ cho ngành điện tử và cơ khí chế tạo, coi đây như một khâu đột phá nhằm góp phần nâng cao giá trị tăng thêm, đáp ứng nhu cầu về linh kiện, phụ tùng cho sản xuất trong nước và từng bước tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

g) Kết hợp triển khai đồng bộ một số giải pháp liên quan khác như: đổi mới công nghệ, phát triển thị trường, đào tạo nguồn nhân lực và xây dựng cơ chế chính sách phù hợp tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển công nghiệp, thương mại khu vực biển.

6. Tổ chức thực hiện

a) Bộ Công Thương chịu trách nhiệm công bố Quy hoạch phát triển công nghiệp, thương mại biển Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 và tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch.

b) Các Bộ, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành

phổ ven biển đề xuất, xây dựng các cơ chế, chính sách cụ thể để tạo điều kiện thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của Quy hoạch.

c) Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố ven biển

- Phối hợp với Bộ Công Thương và các bộ ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch; chỉ đạo xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thu hút đầu tư.

- Phối hợp xây dựng chương trình chung về xúc tiến kêu gọi đầu tư và triển khai quy hoạch một cách thống nhất, góp phần phát triển hài hoà giữa các địa phương khu vực ven biển.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố khu vực biển và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh/TP ven biển ;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, KH (2b).

BỘ TRƯỞNG



Trần Tuấn Anh